

**CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC D+**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC D+

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: D+ ARCHITECTURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: D+ ARCHITECTURE CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110691631

**3. Ngày thành lập:** 19/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 2, Thị Trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985412668

Fax:

Email: [kientrucdcong@gmail.com](mailto:kientrucdcong@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                    | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt thang máy, thang cuốn, cửa cuốn, cửa tự động, dây dẫn chống sét; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.                                           | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị nội thất                                                                                                                                    | 4330     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                    | 4610     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vải;<br>- Bán buôn thảm treo tường, thảm trải sàn.                                                                                       | 4641     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất (trừ dược phẩm)                                                                                                   | 4649     |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi và các vật liệu xây dựng khác. | 4663     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Trừ hợp báo                                                                                                                                       | 8230     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất, nhập khẩu những mặt hàng của doanh nghiệp kinh doanh;<br>- Quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.<br>(Điều 50 Luật Quản lý ngoại thương 2017)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299        |
| 10. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 9524        |
| 11. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7020        |
| 12. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn thiết kế nội, ngoại thất; Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng); Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công trình cầu đường, bờ kè, cảng biển; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thăm tra thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thăm tra thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Hoạt động đo đạc bản đồ; Hoạt động đo đạc trắc địa, đo đạc bằng máy thủy bình, đo đạc xây dựng. | 7110(Chính) |
| 13. | Quảng cáo<br>Chi tiết: Trừ quảng cáo thuốc lá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7310        |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320        |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7410        |
| 16. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |
| 17. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)<br>Chi tiết: trừ tây, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm dệt may, đan tại trụ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1392        |
| 18. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1393        |
| 19. | Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1610        |
| 20. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1621        |
| 21. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1622        |
| 22. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1623        |
| 23. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất đồ dùng gia đình, đồ dùng nấu bếp bằng gỗ;<br>- Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khảm, trạm hoa văn bằng gỗ;<br>- Sản xuất khung gương, khung tranh ảnh bằng gỗ;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1629        |
| 24. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1811        |
| 25. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1812        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4782 |
| 27. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ;<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ. | 4784 |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4789 |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4791 |
| 30. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4799 |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng);<br>- Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác.                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 32. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5210 |
| 33. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8110 |
| 34. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3100 |
| 35. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4101 |
| 36. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4102 |
| 37. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4221 |
| 38. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4222 |
| 39. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, cầu đường, thủy lợi, thủy điện, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư                                                                                                                                                                                                                             | 4299 |
| 40. | Phá dỡ<br>Chi tiết: Trừ hoạt động nổ mìn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311 |
| 41. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4312 |
| 42. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4321 |
| 43. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ các sản phẩm dệt may (vải, len, sợi), phụ liệu ngành dệt may                                                                                                                                                                                                                                                              | 4751 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vật liệu xây dựng, đồ gia dụng, trang thiết bị vệ sinh, thiết bị lọc, thiết bị văn phòng.                                                                                                                                                                                                                 | 4752 |
| 45. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4753 |
| 46. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ sản phẩm bằng gỗ, lie, hàng đan lát bằng tre, song, mây và vật liệu tết bện. | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: VĂN ANH ĐỨC

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 14/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083047302

Ngày cấp: 27/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 2, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VĂN ANH ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 14/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083047302

Ngày cấp: 27/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Tổ 2, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 2, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội